TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HS-ST
Ngày: 15/6/2022

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI,
TỈNH ĐỒNG THÁP

- Tnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Phường**.

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn ThA Minh Hiền** và ông **Lê Văn Vững**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Ông **Lương Ngọc Tiến** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05, 28 tháng 4, ngày 24 tháng 5 và ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 16/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2022, đối với bị cáo:

- Ngô Phương B, sinh năm: 1986 tại Bến Tre; Đăng ký HKTT: Ấp 4, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 04/12; Cha tên: Ngô Thanh H, sinh năm 1953 (Chết); Mẹ tên: Cao Thị S, sinh năm: 1960; Vợ: Nguyễn Thị Ngọc V, sinh năm 1986 (Sống chung như vợ chồng không có đăng ký kết hôn và hiện không còn sống chung); Con: Bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2006 và con nhỏ sinh năm 2009; Tiền sự và tiền án: Không; Tạm giữ: Ngày 27/10/2021; Tạm giam: Ngày 30/10/2021; Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Tháp Mười (Có mặt).

- Bị hại:

1/ **Nguyễn Thế A**, sinh năm 1991 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Khu phố 1, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An.

2/ **Trần Văn Tấn T**, sinh năm 1982 (Vắng mặt);

3/ **Nguyễn Văn R**, sinh năm 1986 (Vắng mặt tại phiên tòa ngày 28/4/2022 và ngày 15/6/2022, có mặt tại phiên tòa ngày 05/4/2022 và ngày 24/5/2022);

Địa chỉ: Ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Lê Phương M, sinh năm 1958 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:* **Trần Hữu T**, sinh năm 1989 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo B là bạn bè quen biết với anh Thế A và thường đến nhà anh Thế A chơi. Khoảng 17 giờ 00 phút, ngày 28/10/2016 B đang ở nhà anh Thế A, B không có xe nên kêu anhThế A đưa về nhà ở huyện Tháp Mười dùm, anh Thế A nhờ người bạn tên là Vũ chở B, anh Thế A chở vợ là chị Nguyễn Thị Út Mận. Đến khoảng 18 giờ 00 phút thì đến khóm 1, thị trấn Mỹ An mọi người cùng vào quán nước A&T uống nước được khoảng 30 phút thì B hỏi mượn xe Sirius biển số 62U1-058.92 màu đen xám đỏ của anh Thế A đi mua card điện thoại và mua đồ ăn cho con xong sẽ trả, thì anh Thế A đồng ý. B điều khiển xe đi mua đồ xong thì chạy về hướng quán nước A&T, trên đường đi gặp bạn tên là Kiếm (Không rõ họ tên, địa chỉ), rủ qua cửa khẩu B Hiệp thuộc thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An chơi, B đồng ý nên B điều khiển xe mô tô mượn của anh Thế A cùng K đến cửa khẩu B Hiệp chơi do không có tiền B đem xe cầm được số tiền 4.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân xài hết. Anh Thế A sau đó điện thoại yêu cầu B trả xe, B có nhắn tin trả lời là hứa trả xe nhưng không trả và tắt điện thoại. Anh Thế A sau đó trình báo sự việc đến Công an thị trấn Mỹ An xử lý.

Kết luận định giá số 67 ngày 25/9/2017 của Hội đồng định giá T sản trong tố tụng hình sự huyện Tháp Mười: 01 (một) xe mô tô biển số 62U1-058.92, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius FI số khung 1710GY086333, số máy E3T6E130401, màu sơn đen xám đỏ, xe bánh mâm, thắng đĩa, giá trị Tnh tiền 22.325.000 đồng.

Ngoài ra, bị cáo B còn lợi dụng sự tin tưởng của các bị hại chiếm đoạt xe mô tô đem đi cầm cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào ngày 20/01/2017, B hỏi mượn xe của anh R đi công việc trong một ngày sẽ trả xe, thì anh R đồng ý. Lúc này, B nhờ người bạn tên là Trần Hữu T, sinh năm 1992, địa chỉ: Ấp Mỹ Tây 2, xã Mỹ Quí, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp đến gặp anh R nhận xe, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển số 66L4-0024 đến huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đưa xe cho B. Cả hai cùng nhau đi Thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp để chơi, khi đến nơi B và anh T thuê nhà trọ nghĩ. Tại đây, B hỏi mượn tiền của anh T, hứa khoảng 10 - 15 ngày sẽ trả, thì anh T đồng ý. Anh T đưa cho B số tiền 6.600.000 đồng. Sau đó, B lấy xe đi chợ mua đồ, nhưng không đi mà điều khiển đến cửa khẩu Vĩnh Xương thuộc tỉnh An Giang cầm được số tiền 2.000.000 đồng, tiêu xài cá nhân cùng với số tiền 6.600.000 đồng mượn của anh T. Anh R có gọi điện thoại

yêu cầu B trả xe nhưng không được nên trình báo Công an xã Mỹ Quí xử lý. Anh T ở nhà nghỉ đợi không thấy B quay lại nên đi về.

Kết luận định giá số 30 ngày 05/5/2017 của Hội đồng định giá T sản trong tố tụng hình sự huyện Tháp Mười: 01 (một) xe mô tô hiệu Wave do Trung Quốc sản xuất, biển số 66L4-0024, giá trị Tnh tiền 2.500.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào ngày 02/02/2017, do quen biết với chị Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1977, địa chỉ: Khóm 4, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp bán nước giải khát tại chợ Đường Thét thuộc ấp Mỹ Tây 2, xã Mỹ Quí, huyện Tháp Mười, B thường xuyên đến quán uống nước nên chị D nhờ B đi bán dùm xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển số 60V2-0419, B lấy xe đi tìm người mua nhưng không có, lúc này B nảy sinh ý định chiếm đoạt xe nên đem đi cầm ở cửa khẩu Vĩnh Xương thuộc tỉnh An Giang được số tiền 1.500.000 đồng rồi tiêu xài cá nhân hết. B không mang xe về trả nên chị D trình báo Công an xã Mỹ Quí giải quyết.

Kết luận định giá số 30 ngày 05/5/2017 của Hội đồng định giá T sản trong tố tụng hình sự huyện Tháp Mười: 01 (một) xe mô tô hiệu Wave do Trung Quốc sản xuất, biển số 60V2-0419, giá trị thành tiền 3.500.000 đồng.

Vụ thứ ba: B làm thuê cho anh T vào ngày 23/6/2017, anh T đang làm công trình tại cụm dân cư ấp 1, xã Mỹ Hòa, A T nhờ B đi lấy tiền dùm và đưa xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu đỏ đen biển số 66N2-5194 cho B chạy, sau khi đi lấy được tiền khoảng 600.000 đồng B về nhà thăm con, trên đường đi gặp người bạn (Không nhớ tên), rủ đi cửa khẩu B Hiệp thuộc thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An chơi, thì B đồng ý. Đến cửa khẩu B Hiệp, B đem xe đi cầm được số tiền 3.000.000 đồng rồi tiêu xài cá nhân hết cùng với số tiền 600.000 đồng của anh T. Anh T không thấy B mang xe về trả nên trình báo Công an xã Mỹ Hòa giải quyết.

Kết luận định giá số 86 ngày 07/11/2017 của Hội đồng định giá T sản trong tố tụng hình sự huyện Tháp Mười: 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu sơn đỏ đen, biển số 66N2-5194, số khung Y9-145938, số máy 5C64-145938, giá trị Tnh tiền 6.000.000 đồng.

Qua làm việc B thừa nhận hành vi chiếm đoạt xe của các bị hại nêu trên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tháp Mười ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với B nhưng bị cáo bỏ trốn. Đến ngày 27/10/2021 ra đầu thú.

Quá trình điều tra, bị cáo còn khai nhận vào khoảng năm 2016, 2017 (Không xác định rõ) có mượn xe của người tên Toán ngụ huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Bà con bên vợ B) xe mô tô, loại xe Dream do Trung Quốc sản xuất, không nhớ rõ biển số nói là để đi chơi, trước đó B cũng thường xuyên mượn xe của A Toán. Do không có tiền tiêu xài B đem xe đến cửa khẩu Vĩnh Xương thuộc tỉnh An Giang cầm được 1.500.000 đồng tiêu xài cá nhân hết. Vụ việc xảy

ra trên địa bàn huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tháp Mười có văn bản đề nghị phối hợp giải quyết với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lãnh nhưng chưa có kết quả, chưa xác định rõ (Họ tên, địa chỉ cụ thể), chưa làm việc được bị hại và không thu hồi được T sản để định giá. Do đó, tách phần xác minh, giải quyết vụ việc trên ra khỏi vụ án, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

Về vật chứng: Không.

Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với vụ xảy ra ngày 28/10/2016, anh Thế A yêu cầu bồi thường giá trị chiếc xe bị cáo B chiếm đoạt theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự với số tiền là 22.325.000 đồng.

- Đối với vụ xảy ra ngày 20/01/2017, A R yêu cầu bồi thường giá trị chiếc xe bị cáo B chiếm đoạt theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự với số tiền là 2.500.000 đồng.

- Đối với vụ xảy ra ngày 23/6/2017, anh T yêu cầu bồi thường giá trị chiếc xe bị cáo B chiếm đoạt theo kết luận định giá của Hội đồng định giá T sản trong tố tụng hình sự với số tiền là 6.000.000 đồng. Đối với số tiền 600.000 đồng của anh T, bị cáo B lấy dùm nhưng chưa trả lại, anh T không yêu cầu bồi thường.

Theo yêu cầu của các bị hại, bị cáo B đồng ý bồi thường giá trị những chiếc xe chiếm đoạt theo kết luận định giá nhưng hiện nay chưa bồi thường.

- Đối với số tiền 6.600.000 đồng bị cáo B thừa nhận có mượn của anh T, anh T yêu cầu bị cáo B trả lại số tiền trên, không có yêu cầu gì khác, bị cáo B thống nhất trả nhưng hiện nay chưa thực hiện. Xét thấy, đây là giao dịch dân sự giữa bị cáo B và anh T nên tách phần yêu cầu trả lại tiền của anh T ra khỏi vụ án này. Khi nào anh T có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

- Đối với vụ xảy ra vào ngày 02/02/2017, chị Lê Thị Mỹ D hiện nay đã bỏ địa phương đi đâu làm gì không rõ, không làm việc được, chị D chưa yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không đề cặp đến phần dân sự của chị D, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

Tại Cáo trạng số 08/CT-VKSTM ngày 25/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười đã truy tố bị cáo Ngô Phương B về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009. Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Ngô Phương B phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung

năm 2009. Xử phạt bị cáo Ngô Phương B với mức án từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Không.

Về xử lý vật chứng và về trách nhiệm dân sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu.

Ý kiến của anh Nguyễn Văn R: Anh thống nhất với lời trình bày của bị cáo. Trước ngày 20/01/2017, bị cáo có điện thoại hỏi mượn xe của anh để đi công việc nhưng anh nói không có xe khi nào có sẽ cho hay qua lấy. Đến ngày 20/01/2017, bị cáo tiếp tục điện thoại hỏi anh có xe chưa thì anh hỏi mượn khi nào trả thì bị cáo trả lời đi công việc trong ngày xong rồi về trả liền, do anh mới sửa chiếc xe của mẹ vợ xong nên nói bị cáo qua lấy mà đi công việc, bị cáo nói đang ở huyện Cao Lãnh nên nhờ người tên T đến lấy giùm. Sau đó, anh T đến lấy xe đi, đến chiều tối không thấy bị cáo trả xe nên anh có điện thoại hỏi bị cáo thì bị cáo nói chút về trả, qua đến ngày hôm sau không thấy bị cáo trả anh điện thoại tiếp thì bị cáo khóa máy không liên lạc được nên A mới báo Công an xã giải quyết. Chiếc xe trên là loại xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển số 66L4-0024, xe này của mẹ vợ anh là bà M, bà M để xe lại tiệm cho anh sửa, khi cho bị cáo mượn xe anh không có hỏi gì bà M. Anh thống nhất kết quả định giá chiếc xe trên là 2.500.000 đồng. Tại phiên tòa ngày 24/5/2022, A trình bày không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, sau khi về bàn bạc với gia đình thì vào ngày 06/6/2022, anh có làm văn bản ý kiến là thay đổi trình bày trên là nay Anh yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 2.500.000 đồng và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, anh không trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

Ý kiến của bà Lê Phương M: Tại văn bản ý kiến ngày 06/6/2022, bà trình bày là chiếc xe mà anh R cho bị cáo mượn trong vụ án này do bà đứng tên và đây là T sản của bà. Đối với vụ án này anh R đã yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 2.500.000 đồng nên nay bà không có yêu cầu gì đối với anh R. Đồng thời, bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Ngoài ra, bà không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

Đối với anh Thế A, anh T và anh T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh Thế A, anh T và anh T vắng mặt không có lý do chính đáng. Đồng thời, anh Thế A, anh T và anh T cũng không có gửi cho Tòa án văn bản ý kiến gì nên tại giai đoạn xét xử sơ thẩm không ghi nhận ý kiến của những người này.

Căn cứ vào các chứng cứ và T liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả trA luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tháp Mười, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với bà M là chủ sở hữu chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave do Trung Quốc sản xuất, biển số 66L4-0024. Bà M giao chiếc xe này cho anh R để sửa nhưng trong quá trình quản lý chiếc xe anh R đã tự ý cho bị cáo mượn và sau đó bị cáo đã chiếm đoạt chiếc xe này. Tại văn bản ý kiến ngày 06/6/2022 bà M không có yêu cầu gì trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử xác định bà M tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Đối với vụ án này bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội là trong khoảng thời từ ngày 28/10/2016 đến tháng 23/6/2017 chưa đến ngày 01/01/2018 (Ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật). Như vậy, thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này thì Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 đang có hiệu lực. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười truy tố bị cáo về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 là phù hợp.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội được mô tả trong bản cáo trạng số 08/CT-VKSTM ngày 25/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười là đúng với hành vi của bị cáo. Trong thời gian từ ngày 28/10/2016 đến ngày 23/6/2017, bị cáo lợi dụng sự tin tưởng của bị hại để nhận được tài sản của bị hại. Sau khi nhận được tài sản trên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt rồi dùng thủ đoạn gian dối là đem tài sản trên đến khu vực gần biên giới để cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân hết. Bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản 04 lần, cụ thể: Thứ nhất: Bị cáo đã mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius FI, biển số 62U1-058.92 của anh Thế A vào ngày 28/10/2016, tại quán nước A&T thuộc khóm 1, thị trấn Mỹ An, nói là để đi mua card điện thoại và mua đồ ăn cho con nhưng sau đó gặp anh Kiếm, bị cáo điều khiển xe chở anh Kiếm đi đến cửa khẩu Bình Hiệp chơi, sau khi chơi hết tiền thì bị cáo đã cầm chiếc xe trên cho 01 người khác (Không rõ họ, chữ lót, tên và năm sinh cụ thể) với số tiền là 4.000.000 đồng và đã tiêu sài cá nhân hết. Đồng thời, theo kết luận định giá thì chiếc xe trên có giá trị thành tiền là 22.325.000 đồng; Thứ hai: Bị cáo đã mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave do Trung Quốc sản xuất, biển số 66L4-0024 của anh R vào ngày 20/01/2017, nói là để đi công việc trong ngày sẽ trả lại. Sau đó, bị cáo nhờ anh T đến tiệm sửa xe của anh R thuộc ấp 1, xã Mỹ Hòa để lấy xe. Khi anh T gặp bị cáo thì cả hai điều khiển xe trên đi đến cửa khẩu Vĩnh Xương chơi, sau khi chơi hết tiền thì bị cáo đã cầm chiếc xe trên cho 01 người khác (Không rõ họ, chữ lót, tên và năm sinh cụ thể) với số tiền là 2.000.000 đồng và đã tiêu sài cá nhân hết. Đồng thời, theo kết luận định

giá thì chiếc xe trên có giá trị thành tiền là 2.500.000 đồng; Thứ ba: Ngày 02/02/2017, chị D có nhờ bị cáo bán dùm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave do Trung Quốc sản xuất, biển số 60V2-0419, chị Dung giao xe cho bị cáo tại quán nước của chị Dung thuộc ấp Mỹ Tây 2, xã Mỹ Quí. Sau khi nhận được xe, bị cáo đi tìm người mua nhưng không có, lúc này bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe này nên bị cáo điều khiển xe đến cửa khẩu Vĩnh Xương và bị cáo đã cầm chiếc xe trên cho 01 người khác (Không rõ họ, chữ lót, tên và năm sinh cụ thể) với số tiền là 1.500.000 đồng và đã tiêu sài cá nhân hết. Đồng thời, theo kết luận định giá thì chiếc xe trên có giá trị Tnh tiền là 3.500.000 đồng; Thứ tư: Ngày 23/6/2017, anh T đang làm công trình tại Cụm dân cư thuộc ấp 1, xã Mỹ Hòa, anh T có nhờ bị cáo đi lấy tiềm dùm và đưa chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 66N2-5194 cho bị cáo. Sau khi lấy được số tiền 600.000 đồng, bị cáo gặp 01 người bạn (Không nhớ tên), bị cáo và người bạn này điều khiển xe đi đến cửa khẩu Bình Hiệp chơi, sau khi chơi hết tiền thì bị cáo đã cầm chiếc xe trên cho 01 người khác (Không rõ họ, chữ lót, tên và năm sinh cụ thể) với số tiền là 3.000.000 đồng và đã tiêu sài cá nhân hết cùng với số tiền 600.000 đồng. Đồng thời, theo kết luận định giá thì chiếc xe trên có giá trị thành tiền là 6.000.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt là 34.925.000 đồng.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ khả năng nhận thức hành vi của mình và có sức khỏe để lao động. Bị cáo biết rõ hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì bản tính tham lam, lười biếng lao động muốn có tiền tiêu xài mà không cần phải tốn mồ hôi và công sức lao động như bao nhiêu người lao động lương thiện khác trong xã hội, thiếu ý thức chấp hành pháp luật nên bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của bị hại để chiếm đoạt tài sản của bị hại đem cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Trong vụ án này, bị cáo đã thực hiện hoàn thành tội phạm. Bị cáo đã thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bị hại với tổng giá trị tài sản đã chiếm đoạt là 34.925.000 đồng, thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

[6 Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng, kết luận định giá, cùng với các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[7] Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử kết luận, hành vi phạm tội của bị cáo đã cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

[8] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của bị hại một cách trái pháp luật, gây xôn xao dư luận, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân và gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Do vậy, cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo có thời gian học tập, cải tạo trở Tnh người có

ích cho gia đình và xã hội sau này. Đồng thời, để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[9] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Trong vụ án này, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội tổng cộng 04 lần. Do đó, ngoài việc chịu trách nhiệm hình sự về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", bị cáo còn phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng là "Phạm tội nhiều lần" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

[10] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Đồng thời, bị hại là anh R xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

[11] *Về hình phạt bổ sung:* Xét thấy, bị cáo không có việc làm ổn định, có hoàn cảnh khó khăn và về kinh tế phụ thuộc vào gia đình nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[12] *Về trách nhiệm dân sự*:

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm, bị hại là anh Thế A yêu cầu bị cáo bồi thường với số tiền là 22.325.000 đồng, bị hại là anh T yêu cầu bị cáo bồi thường với số tiền là 6.000.000 đồng, đối với số tiền 600.000 đồng thì anh T không yêu cầu bị cáo bồi thường, bị hại là anh R yêu cầu bị cáo bồi thường với số tiền là 2.500.000 đồng. Đối với bị cáo thì đồng ý bồi thường theo toàn bộ yêu cầu của các bị hại và tính đến nay bị cáo và gia đình chưa bồi thường được số tiền nào cho các bị hại. Xét thấy, thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận. Đồng thời, đối với số tiền 600.000 đồng mà anh T nhờ bị cáo đi lấy dùm và anh T không yêu cầu bị cáo bồi thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 6.600.000 đồng mà bị cáo đã mượn của anh T, trong giai đoạn điều tra anh T có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này và không có yêu cầu gì khác. Đối với bị cáo thì đồng ý trả lại theo toàn bộ yêu cầu của anh T nhưng đến nay bị cáo và gia đình chưa trả được số tiền nào cho anh T. Xét thấy, đây là giao dịch dân sự giữa bị cáo với anh T. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tách phần yêu cầu của anh T ra khỏi vụ án này. Sau này, nếu anh T có yêu cầu giải quyết thì có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết bằng 01 vụ án dân sự khác.

Đối với phần dân sự của chị D, trong giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm thì chị D đã bỏ địa phương đi đâu làm gì không rõ nên chưa làm việc được với chị D. Xét thấy, do chưa làm việc được với chị D và không thể xác định được chị D có yêu cầu gì đối với bị cáo không. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết phần dân sự của chị D trong vụ án này. Sau

này, nếu chị D có yêu cầu giải quyết thì có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết bằng 01 vụ án dân sự khác.

[13] *Về xử lý vật chứng:* Không có nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[14] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[15] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[16] Trong giai đoạn điều tra, bị cáo còn khai nhận vào khoảng năm 2016, 2017 (Không xác định rõ) có mượn xe của người tên Toán ngụ huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Bà con bên vợ B) xe mô tô, loại xe Dream do Trung Quốc sản xuất, không nhớ rõ biển số nói là để đi chơi, trước đó bị cáo cũng thường xuyên mượn xe của anh Toán. Do không có tiền tiêu xài bị cáo đem xe đến cửa khẩu Vĩnh Xương, thuộc tỉnh An Giang cầm được số tiền 1.500.000 đồng tiêu xài cá nhân hết. Vụ việc xảy ra trên địa bàn huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tháp Mười có văn bản đề nghị phối hợp giải quyết với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lãnh nhưng chưa có kết quả, chưa xác định rõ (Họ, chữ lót, năm sinh và địa chỉ cụ thể), chưa làm việc được với bị hại và không thu hồi được T sản để định giá nên Công an huyện Tháp Mười đã tách phần xác minh, giải quyết vụ việc trên ra khỏi vụ án, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau. Xét thấy là phù hợp nên Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

[17] Đối với anh Kiếm (Không rõ họ, chữ lót, năm sinh và địa chỉ cụ thể), một người bạn không nhớ tên của bị cáo là người đi chung xe với bị cáo lên cửa khẩu. Đối với anh T là người lấy xe từ anh R và cùng bị cáo đi lên cửa khẩu. Tính đến thời điểm hiện nay không có chứng cứ nào chứng minh có hành vi đồng phạm với bị cáo trong vụ án này. Do đó, không có cơ sở xử lý những người này nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[18] Đối với những người nhận cầm cố xe của bị cáo thì bị cáo trình bày không biết những người này là ai. Do không rõ họ, chữ lót, tên năm sinh và địa chỉ cụ thể nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết, khi nào có đủ căn cứ pháp lý sẽ xử lý sau bằng vụ án khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo Ngô Phương B phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 140, điểm p khoản 1 và khoản 2 điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Ngô Phương B 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 27/10/2021.

2/ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo B.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo Ngô Phương B với các bị hại là anh Nguyễn Thế A, anh Trần Văn Tấn T và anh Nguyễn Văn R. Bị cáo B phải có nghĩa vụ bồi thường cho anh Thế A với số tiền là 22.325.000 đồng (Hai mươi hai triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng), bồi thường cho anh T với số tiền là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) và bồi thường cho anh R với số tiền là 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng). Như vậy, tổng số tiền bị cáo B phải bồi thường cho các bị hại là 30.825.000 đồng (Ba mươi triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

4/ Về xử lý vật chứng: Không.

5/ Về án phí:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 21 và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo B phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 21 và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo B phải nộp 1.541.000 đồng (Một triệu, năm trăm bốn mươi mốt nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

7/ Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh, Huyện;
- TAND Tỉnh;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- Nhà tạm giữ Công an Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP, (Ngọc).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Minh Phường

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**